PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 70/2010/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2010*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về Nhà máy điện hạt nhân

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư và xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn các quy định của Luật Năng lượng nguyên tử về đầu tư, lựa chọn địa điểm, thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, vận hành, chấm dứt hoạt

động của nhà máy điện hạt nhân và bảo đảm an toàn, an ninh trong các hoạt động đó; về điều kiện đối với tổ chức, cá nhân khi đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tiến hành các hoạt động liên quan đến nhà máy điện hạt nhân tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ máy điện hạt nhân là tổ hợp công trình bao gồm một lò phản ứng hạt nhân, tua bin và máy phát điện và các thiết bị phụ trợ khác chuyển năng lượng hạt nhân do lò phản ứng hạt nhân sinh ra thành điện năng.

2. Nhà máy điện hạt nhân là tổ hợp công trình bao gồm một hoặc nhiều tổ máy điện hạt nhân, hệ thống biến áp truyền tải điện lên lưới điện, nơi lưu trữ, lưu chuyển và xử lý chất phóng xạ được đặt tại cùng địa điểm và liên quan trực tiếp đến việc khai thác nhà máy điện hạt nhân đó.

3. Kế toán hạt nhân là việc kiểm kê và lập bảng cân đối vật liệu hạt nhân sử dụng cho lò phản ứng hạt nhân.

4. Kiểm kê hạt nhân là việc kiểm đếm và đo lường vật liệu hạt nhân để xác định lượng vật liệu hạt nhân trong khoảng thời gian nhất định tại nhà máy điện hạt nhân.

5. Chủ đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân là người sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân.

6. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân là một pháp nhân trực tiếp quản lý tài sản và vận hành nhà máy điện hạt nhân.

Điều 4. Nguyên tắc chung về đầu tư, xây dựng, vận hành và chấm dứt hoạt động của nhà máy điện hạt nhân

1. Việc đầu tư nhà máy điện hạt nhân phải tuân theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và các quy hoạch khác liên quan.

2. Mọi hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, vận hành và chấm dứt hoạt động của nhà máy điện hạt nhân phải bảo đảm yêu cầu cao nhất về an toàn và an ninh.

3. Việc đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy điện hạt nhân phải đạt được hiệu quả kinh tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm thiểu ảnh hưởng đối với môi

trường, cải thiện và nâng cao đời sống của dân cư tại địa phương nơi có nhà máy điện hạt nhân.

4. Nhà máy điện hạt nhân thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, phải được bảo vệ đặc biệt, tuyệt đối an toàn trong quá trình khảo sát, thiết kế, xây dựng, vận hành và quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

5. Việc cấp phép cho nhà máy điện hạt nhân do cơ quan nhà nước thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân, thể hiện trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc lựa chọn địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác hay chấm dứt hoạt động của các nhà máy điện hạt nhân. Quy định này không loại trừ trách nhiệm chính trong việc bảo đảm an toàn của tổ chức cá nhân được cấp phép.

Điều 5. Lập Quy hoạch phát triển điện hạt nhân

1. Quy hoạch phát triển điện hạt nhân được lập cho từng giai đoạn mười năm và có định hướng cho mười năm tiếp theo.

2. Quy hoạch phát triển điện hạt nhân được lập đồng thời và được lồng ghép trong nội dung của Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

Điều 6. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy phạm kỹ thuật

1. Bộ Công thương ban hành hoặc công nhận để áp dụng quy phạm kỹ thuật tổ máy điện hạt nhân.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc công nhận để áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hạt nhân trong lựa chọn địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành và tháo dỡ tổ máy điện hạt nhân.

3. Bộ Xây dựng ban hành hoặc công nhận để áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng tổ máy điện hạt nhân.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước nhà máy điện hạt nhân

1. Bộ Công thương:

a) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển điện hạt nhân;

b) Ban hành, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan;

c) Hợp tác quốc tế, đàm phán, ký kết các hiệp định hợp tác, các điều ước quốc tế về nhà máy điện hạt nhân;

d) Cấp Giấy phép vận hành thử; cấp, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực của nhà máy điện hạt nhân;

đ) Phê duyệt quy trình vận hành nhà máy điện hạt nhân;

e) Hướng dẫn, hỗ trợ chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư và giải quyết những vướng mắc, yêu cầu của chủ đầu tư trong quá trình đầu tư phát triển dự án điện hạt nhân;

g) Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong quản lý đầu tư phát triển, vận hành nhà máy điện hạt nhân;

h) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tăng cường năng lực quản lý cho hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về nhà máy điện hạt nhân;

i) Các nội dung khác theo chức năng, quyền hạn và theo phân công của Chính phủ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Ban hành các quy định liên quan đến an toàn nhà máy điện hạt nhân;

b) Thực hiện hoạt động kiểm soát hạt nhân;

c) Thẩm định an toàn trong các giai đoạn của dự án nhà máy điện hạt nhân;

d) Hướng dẫn nội dung báo cáo phân tích an toàn;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tăng cường năng lực quản lý cho cơ quan quản lý an toàn hạt nhân;

e) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nội dung kế hoạch kiểm xạ; quy định tiêu chuẩn phát thải phóng xạ, quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng;

g) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn việc thiết lập khu vực hạn chế, khu vực bảo vệ và quan trắc phóng xạ môi trường tại nhà máy điện hạt nhân;

h) Các nội dung khác theo chức năng, quyền hạn và theo phân công của Chính phủ.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước đối với nhà máy điện hạt nhân theo phân công của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

a) Tổ chức thực hiện việc giải phóng mặt bằng; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giám sát việc sử dụng đất;

b) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của chủ đầu tư; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành liên quan giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 8. Quản lý hồ sơ tài liệu liên quan đến nhà máy điện hạt nhân

1. Hồ sơ tài liệu liên quan đến nhà máy điện hạt nhân phải được quản lý, lưu giữ ít nhất 40 năm, kể từ khi nhà máy điện hạt nhân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận chấm dứt hoạt động và hết trách nhiệm đảm bảo an toàn.

2. Bộ Công thương hướng dẫn cụ thể về danh mục, quản lý, sử dụng, khai thác các hồ sơ tài liệu liên quan đến nhà máy điện hạt nhân phù hợp với các quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương II
BẢO ĐẢM AN TOÀN NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Điều 9. Mục tiêu bảo đảm an toàn

Khi đầu tư, xây dựng, vận hành và chấm dứt hoạt động của nhà máy điện hạt nhân phải bảo đảm các mục tiêu sau đây:

1. Thiết lập và duy trì các hệ thống và quy trình bảo đảm an toàn tại nhà máy điện hạt nhân nhằm bảo vệ con người, xã hội và môi trường khỏi các tác động có hại của bức xạ.

2. Trong điều kiện vận hành bình thường, đảm bảo mức chiếu xạ trong và ngoài nhà máy dưới mức giới hạn cho phép và ở mức thấp nhất có thể đạt một cách hợp lý. Trong trường hợp xảy ra sự cố phải bảo đảm giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của chiếu xạ.

3. Thực hiện những biện pháp hợp lý với độ tin cậy cao nhằm ngăn chặn sự cố có thể xảy ra trong nhà máy điện hạt nhân. Đối với tất cả sự cố được tính đến khi thiết kế nhà máy, thậm chí cả những sự cố có xác suất xảy ra rất thấp thì hậu quả phóng xạ, nếu có, là nhỏ và khả năng xảy ra sự cố nghiêm trọng là hết sức nhỏ.

Điều 10. Báo cáo phân tích an toàn

Báo cáo phân tích an toàn được thực hiện trên cơ sở thiết kế nhà máy điện hạt nhân ở từng giai đoạn và gồm các nội dung sau đây:

1. Giới thiệu chung.

2. Mô tả chung nhà máy điện hạt nhân.

3. Quản lý an toàn.

4. Đánh giá địa điểm.

5. Các khía cạnh thiết kế chung.

6. Mô tả các hệ thống chính của nhà máy điện hạt nhân.

7. Phân tích an toàn.

8. Chương trình hiệu chỉnh và vận hành thử.

9. Các khía cạnh vận hành.

10. Các điều kiện và giới hạn vận hành.

11. Bảo vệ bức xạ.

12. Ứng phó sự cố.

13. Các khía cạnh môi trường.

14. Quản lý chất thải phóng xạ.

15. Tháo dỡ và các vấn đề kết thúc vận hành.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân và trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định của chủ đầu tư;

b) Báo cáo phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân;

c) Các văn bản pháp lý có liên quan.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung, số lượng hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân.

3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo để chủ đầu tư dự án bổ sung, hoàn chỉnh.

Điều 12. Thẩm định Báo cáo phân tích an toàn

1. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân tổ chức thẩm định Báo cáo phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân.

2. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân có thể thuê hoặc mời các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia thẩm định một phần hoặc toàn bộ nội dung Báo cáo phân tích an toàn quy định tại các Điều 21, 22, 25, 30, 31, 34 Nghị định này.

3. Kết quả thẩm định Báo cáo phân tích an toàn được thể hiện trong báo cáo thẩm định với đầy đủ các nội dung, kết luận theo quy định.

4. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội đồng an toàn hạt nhân Quốc gia kết quả thẩm định Báo cáo phân tích an toàn.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo phân tích an toàn.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định chi tiết về nội dung, quy trình, thủ tục thẩm định Báo cáo phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân.

Điều 13. Quy trình bảo đảm chất lượng

Quy trình bảo đảm chất lượng liên quan đến việc xây dựng nhà máy điện hạt nhân có mức độ chi tiết phù hợp cho từng giai đoạn và gồm các nội dung sau đây:

1. Tổ chức hệ thống bảo đảm chất lượng.

2. Chương trình bảo đảm chất lượng.

3. Kiểm soát thiết kế.

4. Kiểm soát hồ sơ mua sắm.

5. Chỉ dẫn, quy trình và bản vẽ.

6. Kiểm soát hồ sơ.

7. Kiểm soát vật tư, thiết bị và các dịch vụ được mua sắm.

8. Xác định và kiểm soát thiết bị, bộ phận và vật tư.

9. Kiểm soát các quá trình đặc biệt.

10. Chương trình kiểm tra chất lượng.

11. Kiểm soát thử nghiệm.

12. Kiểm soát thiết bị đo lường và thử nghiệm.

13. Kiểm soát việc tiếp nhận, lưu giữ và vận chuyển.

14. Xác nhận tình trạng kiểm tra, thử nghiệm và vận hành.

15. Kiểm soát thiết bị, bộ phận, vật tư không đạt chuẩn.

16. Các biện pháp khắc phục sửa chữa.

17. Các hồ sơ bảo đảm chất lượng.

18. Kiểm soát nội bộ.

Điều 14. Kiểm soát hạt nhân

1. Đối với nhà máy điện hạt nhân, các đối tượng và khu vực sau chịu sự kiểm soát hạt nhân:

a) Nhiên liệu hạt nhân;

b) Vật liệu và thiết bị hạt nhân;

c) Nơi lưu giữ và xử lý vật liệu hạt nhân.

2. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm:

a) Thực hiện kế toán hạt nhân và định kỳ báo cáo kết quả kế toán hạt nhân theo yêu cầu của Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân;

b) Thực hiện các biện pháp giám sát đối với nhiên liệu hạt nhân;

c) Lưu giữ hồ sơ kế toán hạt nhân trong suốt thời gian hoạt động của nhà máy;

d) Chịu sự kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức quốc tế có liên quan;

đ) Thực hiện các quy định khác của pháp luật đối với nguồn nhiên liệu hạt nhân.

3. Thanh tra quốc tế:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thống nhất với Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế về hình thức và kế hoạch thanh tra quốc tế đối với các đối tượng và khu vực chịu kiểm soát hạt nhân quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các cơ quan, tổ chức liên quan phải tuân thủ kế hoạch thanh tra quốc tế quy định tại điểm a khoản này.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Quy định và hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục kiểm soát hạt nhân;

b) Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động kiểm soát hạt nhân tại nhà máy điện hạt nhân.

Điều 15. Kế hoạch quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng

1. Kế hoạch quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng của nhà máy điện hạt nhân có mức độ chi tiết phù hợp cho từng giai đoạn và gồm các nội dung sau đây:

a) Tổng quan;

b) Phương án quản lý, lưu giữ;

c) Các biện pháp xử lý chất thải phóng xạ;

d) Chương trình kiểm soát;

đ) Cơ chế đảm bảo tài chính.

2. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân phải thực hiện việc quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng theo kế hoạch đã được phê duyệt, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn môi trường quốc gia.

Điều 16. Bảo vệ an ninh nhà máy điện hạt nhân

1. Nhà máy điện hạt nhân cần phải áp dụng công tác bảo vệ đặc biệt, tuyệt đối an toàn trong quá trình khảo sát, thiết kế, xây dựng và vận hành.

2. Chủ đầu tư nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm:

a) Bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho người và công trình trong quá trình khảo sát, thiết kế, xây dựng và vận hành;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ, đề xuất và thực hiện các biện pháp bảo vệ, tổ chức phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi xâm phạm an ninh, an toàn của công trình;

c) Tổ chức lực lượng bảo vệ các hạng mục công trình căn cứ vào yêu cầu bảo vệ và tính chất, quy mô của mỗi hạng mục sau khi đã thống nhất với Bộ Công an.

3. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm:

a) Tổ chức bảo vệ nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ việc ra vào khu vực nhà máy điện hạt nhân;

b) Thiết lập khu vực hạn chế người qua lại, khu vực bảo vệ an toàn xung quanh nhà máy điện hạt nhân.

Chương III
XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Mục 1
GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Điều 17. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định và trình duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Báo cáo đầu tư) dự án nhà máy điện hạt nhân

1. Chủ đầu tư thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân.

2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân có các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết phải đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân, các điều kiện thuận lợi và khó khăn; chế độ khai thác và sử dụng tài nguyên quốc gia nếu có;

b) Dự kiến quy mô đầu tư: số tổ máy, công suất từng tổ máy, diện tích xây dựng; các hạng mục công trình thuộc dự án;

c) Dự kiến về địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân, khu vực cấm dân cư, khu vực hạn chế dân cư và nhu cầu sử dụng đất;

d) Phân tích, lựa chọn sơ bộ về công nghệ, thông số kỹ thuật; các điều kiện cung cấp vật tư thiết bị, nhiên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật; đào tạo nguồn nhân lực; phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư; ảnh hưởng của dự án đối với môi trường, sinh thái; vấn đề bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân, quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng; phòng, chống cháy nổ; an ninh, quốc phòng; công tác truyền thông chuẩn bị dự án;

đ) Hình thức đầu tư, ước tính sơ bộ tổng mức đầu tư, thời hạn thực hiện dự án, phương án huy động vốn theo tiến độ, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án và phân kỳ đầu tư;

e) Những kiến nghị đặc biệt với Quốc hội khi xem xét, quyết định chủ trương đầu tư nhà máy điện hạt nhân.

3. Thẩm định, trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân:

a) Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng Thẩm định Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Chủ tịch để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân;

b) Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Thẩm định Nhà nước, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 18. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư) dự án nhà máy điện hạt nhân

1. Chủ đầu tư thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân sau khi Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân.

2. Nội dung phần thuyết minh của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân:

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư; đánh giá nhu cầu điện khu vực và toàn quốc; tác động xã hội đối với địa phương, khu vực; hình thức đầu tư xây dựng công trình; địa điểm xây dựng, khu vực cấm dân cư, khu vực hạn chế dân cư và nhu cầu sử dụng đất; điều kiện cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu và các yếu tố đầu vào khác;

b) Mô tả về quy mô và diện tích xây dựng công trình, các hạng mục công trình thuộc dự án; phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất; phương án đảm bảo cung cấp nhiên liệu hạt nhân; phương án đảm bảo an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân; giải pháp xử lý, quản lý chất thải phóng xạ và bảo vệ môi trường; phương án đào tạo nguồn nhân lực; phương án đấu nối với hệ thống điện quốc gia;

c) Các giải pháp thực hiện bao gồm: phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các phương án thiết kế kiến trúc đối với công trình trong nhà máy; các giải pháp phòng cháy, chữa cháy; các phương án đảm bảo an ninh, theo quy định của pháp luật; phương án đào tạo và sử dụng nhân lực; phân đoạn thực hiện, tiến độ thực hiện và hình thức quản lý dự án;

d) Tổng mức đầu tư của dự án; khả năng thu xếp vốn, nguồn vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn vay và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án.

3. Nội dung thiết kế cơ sở của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân:

a) Thiết kế cơ sở bao gồm phần thuyết minh và phần bản vẽ;

b) Phần thuyết minh bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Giới thiệu tóm tắt địa điểm xây dựng, sơ bộ phương án thiết kế; tổng mặt bằng công trình, vị trí, quy mô xây dựng các hạng mục công trình chính; việc kết nối giữa các hạng mục công trình thuộc dự án với hạ tầng kỹ thuật của khu vực; danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

- Các phương án công nghệ xem xét;

- Phương án kết cấu chính, hệ thống kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Dự kiến lượng chất thải và hệ thống quản lý chất thải;

- An toàn bức xạ, an toàn hạt nhân;

- Phương án bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;

- Danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng.

c) Phần bản vẽ bao gồm:

- Bản vẽ tổng mặt bằng công trình;

- Sơ đồ công nghệ, bản vẽ dây chuyền công nghệ;

- Bản vẽ phương án xây dựng và kiến trúc;

- Bản vẽ phương án kết cấu chính, hệ thống kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình, kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

Điều 19. Báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập đồng thời với Báo cáo nghiên cứu khả thi, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Liệt kê, mô tả các hạng mục công trình của dự án kèm theo quy mô về không gian, thời gian và khối lượng thi công; công nghệ vận hành của từng hạng mục công trình và của cả dự án;

b) Đánh giá chung về hiện trạng môi trường bức xạ và phi bức xạ nơi thực hiện dự án và vùng kế cận; mức độ nhạy cảm và sức chịu tải của môi trường;

c) Đánh giá các tác động môi trường về bức xạ và phi bức xạ có khả năng xảy ra khi dự án được thực hiện và các thành phần môi trường, yếu tố kinh tế - xã hội chịu tác động của dự án; dự báo rủi ro về sự cố môi trường do công trình gây ra; đánh giá tác động môi trường do bức xạ trong trường hợp tai nạn hạt nhân xảy ra;

d) Biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đối với môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

đ) Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành công trình;

e) Danh mục công trình, chương trình quản lý và giám sát các vấn đề môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

g) Dự toán kinh phí xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong tổng dự toán kinh phí của dự án;

h) Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án;

i) Chỉ dẫn nguồn cung cấp số liệu, dữ liệu và phương pháp đánh giá.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với nhà máy điện hạt nhân;

b) Tổ chức Hội đồng Thẩm định hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án nhà máy điện hạt nhân;

c) Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi đã được thẩm định.

Điều 20. Báo cáo tổng quan về lựa chọn địa điểm nhà máy điện hạt nhân

1. Việc khảo sát địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân cần thực hiện các nội dung sau:

a) Khảo sát đứt gãy, biểu hiện động đất và núi lửa có thể ảnh hưởng tới an toàn nhà máy điện hạt nhân theo các nội dung sau đây:

- Khảo sát điều kiện địa chất, kiến tạo của khu vực;

- Thu thập và tổng hợp các số liệu động đất; xác định nguy cơ động đất trên cơ sở đánh giá điều kiện địa chấn và kiến tạo khu vực;

- Xác định nguy cơ dao động nền do động đất trên cơ sở đặc trưng kiến tạo khu vực và số liệu cụ thể của địa điểm.

b) Khảo sát các đặc tính địa kỹ thuật và nền móng, xây dựng mặt cắt địa kỹ thuật của địa điểm để xác định các nội dung sau đây:

- Khả năng trượt lở đất, đá, xói lở bờ sông, bờ biển, sườn núi ở địa điểm dự kiến và lân cận;

- Khả năng nâng hạ, sụt, sập nền đất ở địa điểm dự kiến trên cơ sở bản đồ địa chất, tài liệu hiện có, lưu ý về các hang động và các hầm lò, giếng, hố khoan;

- Khả năng xảy ra hóa lỏng nền đất trên cơ sở các thông số và giá trị dao động nền đất đặc trưng;

- Tính chất cơ lý của nền đất và các vật thể lạ trong đó; tính ổn định của nền đất dưới tác động của tải trọng tĩnh và động;

- Động thái và tính chất hóa lý của nước ngầm.

c) Các hiện tượng khí tượng, thủy văn:

- Khảo sát, dự báo ảnh hưởng của thiên tai (gió, mưa, bão, bão cát, sóng thần, thay đổi nhiệt độ, sấm sét, lốc xoáy) đối với địa điểm;

- Khảo sát, dự báo các hiện tượng khí tượng, thủy văn có khả năng gây ra các đặc thù về phát tán hoặc ngưng tụ phóng xạ, tiềm ẩn ảnh hưởng có hại vượt quá giới hạn cho phép đối với con người và môi trường của địa điểm và khu vực xây dựng nhà máy điện hạt nhân.

d) Khảo sát toàn diện các nguyên nhân xảy ra lũ lụt do vỡ đê, đập, do mưa, bão, sóng thần, động đất hoặc các hiện tượng địa chất khác;

đ) Đánh giá ảnh hưởng đối với nhà máy điện hạt nhân do hoạt động của con người gây ra:

- Thu thập, khảo sát thông tin về vật liệu nguy hại, cháy, nổ, ăn mòn, độc hại được lưu giữ, vận chuyển và sử dụng, các hoạt động diễn tập quân sự, các tuyến đường ống dẫn nhiên liệu;

- Khảo sát các kho, bến bãi, nơi khai thác và lưu giữ khoáng sản có nguy cơ ngăn dòng nước tạm thời gây ngập lụt hay sụt nền đất;

- Khảo sát vị trí sân bay, chủng loại máy bay, hành lang và tần suất bay;

- Khảo sát các tuyến giao thông trên bộ, trên sông và trên biển, bao gồm loại phương tiện, tần suất, đặc điểm chuyên chở, các cảng, bến đỗ, nhà ga; lưu ý các tuyến giao thông đông đúc, các điểm giao nhau.

e) Ảnh hưởng của bức xạ đối với cộng đồng dân cư:

- Phân bố, mật độ dân cư và dự báo biến động dân số trong khu vực;

- Cách thức lan truyền, phát tán vật liệu phóng xạ trong không khí và nước trên cơ sở các thông số khí tượng (hướng và tốc độ gió, sự nhiễu động không khí, độ ẩm, lượng mưa, bức xạ mặt trời), thủy văn (đặc điểm sông, suối, nước mặt và nước ngầm), đặc điểm địa hình (núi cao, thung lũng) và ảnh hưởng của các công trình xây dựng lớn;

- Phông bức xạ và liều chiếu xạ đối với cộng đồng dân cư địa phương;

- Nguy cơ tác động bức xạ đối với dân chúng làm cơ sở cho kế hoạch ứng phó sự cố; lưu ý quy hoạch sử dụng đất, nguồn nước và lương thực thực phẩm tại địa phương;

- Điều kiện xây dựng hệ thống giao thông cho kế hoạch sơ tán, khả năng cung ứng lương thực, thực phẩm và hạ tầng cơ sở sinh hoạt cho dân chúng tại khu vực sơ tán;

- Điều kiện, địa điểm thiết lập trung tâm ứng phó khẩn cấp bên ngoài nhà máy điện hạt nhân;

- Sự phù hợp của địa điểm liên quan đến tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của khu vực (thương mại, công nghiệp, du lịch) và nguy cơ gia tăng rủi ro do tác động của nhà máy điện hạt nhân đối với khu vực cũng như của các hoạt động trong khu vực lên nhà máy.

g) Nguồn nước làm mát và điện cấp cho hoạt động của nhà máy.

2. Báo cáo tổng quan về lựa chọn địa điểm bao gồm các nội dung sau:

a) Tổng quan về quá trình lựa chọn địa điểm;

b) Số tổ máy, công nghệ, quy mô công suất dự kiến xây dựng tại địa điểm xin phê duyệt;

c) Việc đáp ứng các tiêu chí bảo đảm an toàn hạt nhân đối với địa điểm lựa chọn.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định yêu cầu về an toàn hạt nhân phục vụ việc đánh giá phê duyệt địa điểm nhà máy điện hạt nhân.

Điều 21. Trình tự, thủ tục, thời hạn thẩm định và phê duyệt địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt địa điểm;

b) Báo cáo tổng quan về việc lựa chọn địa điểm quy định tại Điều 20 Nghị định này;

c) Thiết kế cơ sở nhà máy điện hạt nhân quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này;

d) Báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Điều 19 Nghị định này;

đ) Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

e) Báo cáo phân tích an toàn sơ bộ gồm các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 4, 12, 13 Điều 10 Nghị định này;

g) Kết quả thẩm định an toàn;

h) Kế hoạch kiểm xạ môi trường;

i) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

k) Tài liệu khác có liên quan.

2. Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận hồ sơ từ chủ đầu tư các Bộ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu theo quy định. Việc thẩm định phải hoàn thành trong thời hạn sau đây tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

a) Không quá 03 tháng đối với thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Không quá 06 tháng đối với thẩm định Báo cáo phân tích an toàn;

c) Không quá 03 tháng đối với việc thẩm định của Hội đồng Thẩm định Nhà nước.

3. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân khi có kết quả thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; thời hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt địa điểm là 20 năm.

Điều 22. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép đầu tư xây dựng của chủ đầu tư;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân quy định tại Điều 18 Nghị định này;

c) Kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

d) Báo cáo phân tích an toàn gồm các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 11, 12, 13, 14, 15 Điều 10 Nghị định này;

đ) Kết quả thẩm định an toàn;

e) Quy trình bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 13 Nghị định này;

g) Kế hoạch tháo dỡ quy định tại Điều 35 Nghị định này;

h) Kế hoạch quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng Thẩm định Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Chủ tịch để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân.

3. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy điện hạt nhân:

a) Xem xét các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư; các yếu tố đầu vào của dự án; quy mô, công suất, công nghệ, thời gian, tiến độ thực hiện dự án; phân tích tài chính, tổng mức đầu tư, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

b) Xem xét các yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án, bao gồm: sự phù hợp với quy hoạch; nhu cầu sử dụng đất, tài nguyên; khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ của dự án; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; khả năng hoàn trả vốn vay; bảo đảm an toàn bức xạ; giải pháp phòng cháy, chữa cháy; các yếu tố ảnh hưởng đến dự án như quốc phòng, an ninh, môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan;

c) Xem xét thiết kế cơ sở bao gồm:

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc tổng mặt bằng được phê duyệt; sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí, quy mô xây dựng và các chỉ tiêu quy hoạch đã được chấp thuận đối với công trình xây dựng tại khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt;

- Sự phù hợp của việc kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;

- Sự hợp lý của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ;

- Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế cơ sở theo quy định.

d) Thời gian thẩm định dự án, được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Không quá 03 tháng đối với thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Không quá 06 tháng đối với thẩm định Báo cáo phân tích an toàn;

- Không quá 03 tháng đối với việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Hội đồng Thẩm định Nhà nước.

4. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy điện hạt nhân, trên cơ sở:

a) Báo cáo của Hội đồng Thẩm định Nhà nước;

b) Kết quả thẩm định Báo cáo phân tích an toàn;

c) Kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

d) Ý kiến của Hội đồng phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia và Hội đồng an toàn hạt nhân quốc gia.

Điều 23. Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân được phép điều chỉnh khi xuất hiện các yếu tố bất khả kháng có thể gây mất an toàn cho nhà máy; bất lợi về an ninh, quốc phòng; xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án; do biến động bất thường về chi phí đầu tư xây dựng nhà máy.

2. Khi việc điều chỉnh dự án làm thay đổi một trong các yếu tố: địa điểm, công nghệ, quy mô, mục tiêu dự án, vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định; trường hợp điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, công nghệ, quy mô, mục tiêu dự án, không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư được tự quyết định.

Mục 2
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 24. Thiết kế xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân

1. Thiết kế xây dựng công trình bao gồm các bước:

a) Thiết kế cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này;

b) Thiết kế kỹ thuật là thiết kế được thực hiện trên cơ sở thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình được phê duyệt, bảo đảm thể hiện được đầy đủ các thông số kỹ thuật và vật liệu sử dụng phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, là căn cứ để triển khai bước thiết kế tiếp theo;

c) Thiết kế bản vẽ thi công là thiết kế bảo đảm thể hiện được đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, đảm bảo đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình;

d) Các bước thiết kế khác theo thông lệ quốc tế.

2. Hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình:

a) Hồ sơ thiết kế được lập cho từng công trình bao gồm thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát, quy trình bảo trì công trình, dự toán xây dựng công trình;

b) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Bộ Công thương quy định nội dung các bước thiết kế xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân; quy trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các bước thiết kế khác theo thông lệ quốc tế.

Điều 25. Giấy phép xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gửi Bộ Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng;

b) Thiết kế nhà máy điện hạt nhân đã được lựa chọn;

c) Báo cáo phân tích an toàn giai đoạn cấp phép xây dựng quy định tại Điều 10 Nghị định này;

d) Báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Điều 19 Nghị định này;

đ) Kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

e) Quy trình bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 13 Nghị định này;

g) Kế hoạch tháo dỡ quy định tại Điều 35 Nghị định này;

h) Kế hoạch quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, cấp Giấy phép xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân sau khi có ý kiến của Hội đồng an toàn hạt nhân quốc gia.

3. Trong vòng 15 ngày, kể từ khi tiếp nhận hồ sơ từ chủ đầu tư các Bộ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và có quyền yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu theo quy định và hoàn thành trong thời hạn sau đây:

a) Không quá 03 tháng đối với thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Không quá 15 tháng đối với thẩm định Báo cáo phân tích an toàn và cấp Giấy phép xây dựng.

4. Điều chỉnh giấy phép xây dựng

Khi có nhu cầu điều chỉnh thiết kế công trình khác với nội dung Giấy phép xây dựng đã được cấp, chủ đầu tư phải xin điều chỉnh Giấy phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình theo nội dung điều chỉnh.

5. Thu hồi giấy phép xây dựng

Giấy phép xây dựng nhà máy điện hạt nhân có thể bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng trong hồ sơ xin Giấy phép;

b) Chủ đầu tư không khởi công xây dựng sau 5 năm, kể từ thời điểm được cấp giấy phép.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết trình tự và thủ tục cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy phép xây dựng nhà máy điện hạt nhân.

Điều 26. Trách nhiệm của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt

1. Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình.

2. Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng và lắp đặt công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng đã ký.

3. Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt do nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.

4. Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt bao gồm cả việc tuân thủ các quy định về kiểm soát vật liệu hạt nhân, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân của nhà thầu.

5. Tạo điều kiện để cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân kiểm tra an toàn trong các đợt kiểm tra của cơ quan này.

6. Tổ chức, phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan thông tin, tuyên truyền về dự án điện hạt nhân.

7. Đề nghị Ủy ban nhân dân địa phương, cơ quan công an, quân đội phối hợp đảm bảo an ninh cho công trường nhà máy điện hạt nhân.

8. Thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố khi xảy ra sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trên công trường thi công nhà máy điện hạt nhân và khu vực liên quan ngoài công trường.

9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong xây dựng nhà máy điện hạt nhân

1. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng nhà máy điện hạt nhân phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với hạng mục công trình và các công việc đảm nhiệm.

2. Tổ chức, cá nhân khi tham gia các lĩnh vực sau đây phải có đủ điều kiện về năng lực:

a) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình;

b) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

c) Thiết kế xây dựng công trình;

d) Khảo sát xây dựng công trình;

đ) Thi công xây dựng công trình;

e) Giám sát thi công xây dựng công trình;

g) Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

h) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;

i) Chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

3. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công thương, Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành các tiêu chí về năng lực đối với tổ chức cá nhân tham gia xây dựng nhà máy điện hạt nhân theo khoản 2 Điều này.

Điều 28. Quản lý chất lượng thi công xây dựng nhà máy điện hạt nhân

1. Chủ đầu tư phải tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình, trường hợp chủ đầu tư không có tổ chức tư vấn giám sát đủ điều kiện năng lực thì phải thuê tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng (trong nước hoặc nước ngoài) có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thực hiện.

2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình phải có hệ thống quản lý chất lượng để thực hiện nội dung quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình.

3. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình thực hiện giám sát tác giả.

4. Bộ Xây dựng quy định công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng nhà máy điện hạt nhân.

Điều 29. Kiểm tra an toàn trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân

1. Khi thực hiện kiểm tra, cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân có quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các tài liệu và báo cáo về các nội dung:

a) Năng lực và trình độ chuyên môn của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi công và tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm giám sát thi công;

b) Thời gian nghiệm thu hạng mục cần kiểm tra;

c) Quy trình và lịch trình xây dựng và lắp đặt hạng mục cần kiểm tra;

d) Việc chấp hành các quy định về an toàn đối với xây dựng và lắp đặt.

2. Tạm dừng, tạm đình chỉ:

a) Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân có quyền tạm dừng, tạm đình chỉ thi công xây dựng và lắp đặt hạng mục nhà máy điện hạt nhân khi phát hiện những điểm không phù hợp với thiết kế hoặc các yếu tố gây mất an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình;

b) Việc tiếp tục thi công xây dựng và lắp đặt hạng mục bị tạm dừng, tạm đình chỉ chỉ được thực hiện sau khi chủ đầu tư có báo cáo giải trình và đề ra các biện pháp đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, được cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thẩm định thông qua;

c) Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân xem xét và trả lời chủ đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc sau khi nhận báo cáo giải trình. Việc tạm dừng, tạm đình chỉ và cho phép thi công trở lại phải báo cáo ngay Bộ Khoa học và Công nghệ và Hội đồng an toàn hạt nhân quốc gia.

3. Đình chỉ thi công

a) Khi phát hiện các yếu tố có thể dẫn tới tình huống sự cố nghiêm trọng Bộ Khoa học và Công nghệ đình chỉ thi công xây dựng và lắp đặt toàn bộ nhà máy điện hạt nhân. Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và trả lời Chủ đầu tư trong vòng 01 tháng sau khi nhận báo cáo giải trình khắc phục;

b) Sau khi Chủ đầu tư khắc phục và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép thi công trở lại;

c) Việc đình chỉ và cho phép thi công trở lại phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV
VẬN HÀNH NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Điều 30. Cấp Giấy phép vận hành thử nhà máy điện hạt nhân

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ gửi Bộ Công thương xem xét, cấp Giấy phép vận hành thử. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép vận hành thử;

b) Báo cáo phân tích an toàn trước khi vận hành thử;

c) Mô tả điều kiện, thông số kỹ thuật, giới hạn vận hành;

d) Kế hoạch, quy trình nạp nhiên liệu và vận hành thử;

đ) Báo cáo năng lực kỹ thuật đảm bảo vận hành an toàn nhà máy điện hạt nhân;

e) Kế hoạch đảm bảo chất lượng trong vận hành;

g) Kế hoạch ứng phó sự cố.

2. Bộ Công thương cấp Giấy phép vận hành thử nhà máy điện hạt nhân sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ và Hội đồng an toàn hạt nhân quốc gia.

3. Cơ quan quản lý an toàn của Bộ Công thương và cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân của Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nhà máy điện hạt nhân.

4. Bộ Công thương hướng dẫn nội dung chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận hành thử.

Điều 31. Cấp Giấy phép hoạt động điện lực nhà máy điện hạt nhân

1. Để vận hành chính thức nhà máy điện hạt nhân, tổ chức có nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm lập hồ sơ gửi Bộ Công thương xem xét, cấp Giấy phép hoạt động điện lực nhà máy điện hạt nhân.

Ngoài các quy định hiện hành, hồ sơ xin cấp Giấy phép hoạt động điện lực nhà máy điện hạt nhân gồm:

a) Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép hoạt động điện lực;

b) Báo cáo phân tích an toàn sau khi vận hành thử;

c) Chương trình vận hành và kế hoạch thay đảo nhiên liệu;

d) Kế hoạch đảm bảo chất lượng trong vận hành;

đ) Kế hoạch ứng phó sự cố;

e) Báo cáo vận hành thử;

g) Xác nhận của cơ quan quản lý môi trường về việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Báo cáo quy định tại điểm b và đ khoản này được đồng thời gửi cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân.

2. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân có trách nhiệm:

a) Thẩm định báo cáo quy định tại điểm b và đ khoản 1 Điều này;

b) Đề xuất về việc cấp Giấy phép hoạt động điện lực nhà máy điện hạt nhân trình Hội đồng an toàn hạt nhân quốc gia đánh giá kết quả thẩm định.

3. Bộ Công thương cấp Giấy phép hoạt động điện lực nhà máy điện hạt nhân sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học Công nghệ và Hội đồng an toàn hạt nhân quốc gia.

4. Bộ Công thương hướng dẫn nội dung chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép hoạt động điện lực nhà máy điện hạt nhân.

Điều 32. Quan trắc phóng xạ môi trường đối với nhà máy điện hạt nhân

1. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Xây dựng các trạm quan trắc theo quy định, tiến hành quan trắc phóng xạ môi trường nơi có nhà máy điện hạt nhân;

b) Báo cáo cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân kết quả quan trắc định kỳ sáu tháng một lần và báo cáo ngay khi phát hiện kết quả quan trắc bất thường.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo xây dựng các trạm quan trắc theo quy định, tiến hành quan trắc phóng xạ môi trường tại địa phương.

3. Các trạm quan trắc quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được kết nối trực tuyến với mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết về quan trắc phóng xạ môi trường đối với nhà máy điện hạt nhân.

Điều 33. Báo cáo thực trạng an toàn và kiểm tra thường xuyên tình trạng an toàn nhà máy điện hạt nhân

1. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân phải lập báo cáo thực trạng an toàn nhà máy điện hạt nhân bao gồm báo cáo định kỳ hàng năm và báo cáo tổng thể định kỳ mười năm một lần gửi cơ quan quản lý an toàn của Bộ Công thương và cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân phải lập báo cáo thực trạng an toàn đột xuất theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Báo cáo thực trạng an toàn bao gồm các nội dung sau:

a) Việc tuân thủ các điều kiện ghi trong giấy phép;

b) Những thay đổi so với hồ sơ xin cấp giấy phép;

c) Sự cố bức xạ, hạt nhân (nếu có) và các biện pháp khắc phục.

4. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thành lập văn phòng kiểm tra đặt tại nhà máy điện hạt nhân, làm nhiệm vụ kiểm tra thường xuyên tình trạng an toàn của nhà máy điện hạt nhân.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương hướng dẫn chi tiết về việc báo cáo và kiểm tra thực trạng an toàn nhà máy điện hạt nhân.

Chương V
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Điều 34. Chấm dứt hoạt động và tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân

1. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm lập hồ sơ chấm dứt hoạt động và tháo dỡ trình cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân phê duyệt muộn nhất 24 tháng trước khi dừng hoạt động nhà máy. Hồ sơ gồm:

a) Kế hoạch tháo dỡ quy định tại Điều 35 Nghị định này;

b) Báo cáo phân tích an toàn tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân;

c) Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

d) Chương trình đảm bảo chất lượng tháo dỡ nhà máy;

đ) Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

e) Kết quả thẩm định an toàn của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân.

2. Báo cáo phân tích an toàn tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân bao gồm:

a) Lý do chấm dứt hoạt động;

b) Kế hoạch tháo dỡ, tẩy xạ;

c) Kế hoạch xử lý nguồn bức xạ, chất thải phóng xạ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ chấm dứt hoạt động và tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân.

Điều 35. Kế hoạch tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân

Kế hoạch tháo dỡ có mức độ chi tiết phù hợp cho từng giai đoạn và gồm các nội dung sau đây:

1. Tổng thể việc tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân.

2. Nguyên tắc cơ bản về tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân.

3. Các yêu cầu an toàn trong quá trình tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân.

4. Phương pháp tháo dỡ và tiến độ tháo dỡ.

5. Phương pháp loại bỏ các vật liệu phóng xạ và tẩy xạ.

6. Phương pháp xử lý và chôn cất chất thải phóng xạ.

7. Các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa sự cố bức xạ.

8. Đánh giá tác động tới môi trường và các biện pháp giảm thiểu.

9. Chương trình đảm bảo chất lượng.

10. Chi phí tháo dỡ và phương án đảm bảo tài chính cho kế hoạch tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân.

Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức có nhà máy trong việc chấm dứt hoạt động và tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân

1. Cập nhật, bổ sung kế hoạch tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân đã lập trong các giai đoạn trước đây.

2. Thiết lập chương trình đảm bảo chất lượng trong quá trình tháo dỡ.

3. Chuẩn bị báo cáo đánh giá an toàn và báo cáo đánh giá tác động môi trường cần thiết cho kế hoạch tháo dỡ.

4. Thông báo với cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân trước khi dừng hoạt động nhà máy vĩnh viễn.

5. Quản lý tháo dỡ và tiến hành các hoạt động tháo dỡ.

6. Thiết lập và tuân thủ các quy định về an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường trong khi tháo dỡ.

7. Đảm bảo nguồn nhân lực cho quá trình tháo dỡ.

8. Xây dựng kế hoạch và sẵn sàng ứng phó sự cố trong quá trình tháo dỡ.

9. Tiến hành khảo sát cuối cùng để đảm bảo đáp ứng các tiêu chí về trạng thái cuối quy định trong kế hoạch tháo dỡ.

10. Đảm bảo thu xếp tài chính đầy đủ cho tất cả các giai đoạn của quá trình tháo dỡ.

11. Lưu giữ và giao nộp hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân.

Điều 37. Kiểm tra, thanh tra quá trình tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân

1. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý môi trường và các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc tháo dỡ, tẩy xạ, xử lý nhiên liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, chất thải phóng xạ và có quyền yêu cầu tổ chức có nhà máy tạm dừng, tạm đình chỉ việc tháo dỡ khi phát hiện các yếu tố gây mất an toàn bức xạ, hạt nhân hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

2. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân cho phép tiếp tục tháo dỡ sau khi tổ chức có nhà máy điện hạt nhân có báo cáo giải trình và đề ra các biện pháp đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn bức xạ, hạt nhân hoặc bảo vệ môi trường.

3. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thẩm định, trả lời tổ chức có nhà máy trong vòng 10 ngày làm việc sau khi nhận đủ báo cáo giải trình. Việc tạm dừng và cho phép tiếp tục tháo dỡ phải được báo cáo ngay lên Bộ Khoa học và Công nghệ và Hội đồng an toàn hạt nhân quốc gia.

Điều 38. Công nhận nhà máy điện hạt nhân chấm dứt hoạt động

1. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân lập báo cáo hoàn thành quá trình tháo dỡ trình cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân.

2. Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân kiểm tra trạng thái cuối của nhà máy được tháo dỡ và ra quyết định công nhận nhà máy điện hạt nhân chấm dứt hoạt động và hết trách nhiệm đảm bảo an toàn.

Điều 39. Chi phí chấm dứt hoạt động của nhà máy điện hạt nhân

1. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân phải chịu mọi chi phí tháo dỡ và chi phí lưu giữ, xử lý chất thải phóng xạ sinh ra từ quá trình tháo dỡ.

2. Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nghĩa vụ tài chính của Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân đảm bảo cho tháo dỡ nhà máy và phương thức quản lý nguồn tài chính cho việc chấm dứt hoạt động nhà máy.

Chương VI
ỨNG PHÓ SỰ CỐ NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

Điều 40. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác ứng phó sự cố nhà máy điện hạt nhân

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện các biện pháp thích hợp để ứng phó sự cố nhà máy điện hạt nhân, bằng cách huy động mọi lực lượng để bảo vệ tài sản quốc gia, tài sản và cuộc sống của người dân.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công thương, Y tế, Quốc phòng, Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà máy điện hạt nhân xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương chuẩn bị nhân lực, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tham gia và phối hợp hoạt động hợp tác khu vực, quốc tế về ứng phó sự cố điện hạt nhân đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà máy điện hạt nhân lập kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh.

5. Các cơ quan được giao nhiệm vụ trong kế hoạch ứng phó sự cố chịu sự chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn và Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan trong công tác chuẩn bị và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, cấp cơ sở.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức có nhà máy điện hạt nhân

Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm:

1. Thiết lập hệ thống ứng phó sự cố cấp cơ sở.

2. Bảo đảm sẵn sàng các trang thiết bị nhằm sẵn sàng ứng phó sự cố hạt nhân theo kế hoạch ứng phó sự cố đã được phê duyệt.

3. Cung cấp thông tin kịp thời, trung thực về tình hình sự cố xảy ra theo quy định.

4. Tham gia ứng phó sự cố ở cấp tỉnh và cấp quốc gia.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan để đánh giá mức thiệt hại và phương án bồi thường khắc phục hậu quả theo quy định.

Điều 42. Diễn tập ứng phó sự cố hạt nhân

1. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hạt nhân theo kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở đã được phê duyệt định kỳ hàng năm và báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

2. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân có trách nhiệm cử nhân viên tham gia các chương trình huấn luyện về ứng phó sự cố hạt nhân do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

Điều 43. Kinh phí hoạt động

1. Tổ chức có nhà máy điện hạt nhân bảo đảm kinh phí lập, diễn tập và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở; hoạt động kiểm xạ và quan trắc phóng xạ môi trường của nhà máy điện hạt nhân.

2. Kinh phí thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia và cấp tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng